TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **405**/2023/DS-ST
Ngày 27 - 10 - 2023
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

Bà Lê Trường An.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Bà Trần H Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 620/2023/TLST-DS ngày 27/7/2023 về việc *"Tranh chấp hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2023/QĐXXST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn H N.

Ông Nguyễn Việt Đ.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Người làm chứng: Bà Trần Thị U, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, người làm chứng có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 01/02/2019 âm lịch vợ cH bị đơn có mở 01 dây hụi, loại 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 32 chưng, nguyên đơn tham gia chơi 02 chưng, quá trình khui hụi đóng được 30 lần với tổng số tiền vốn và lãi hụi là 120.000.000 đồng, nhưng vợ cH bị đơn không giao tiền hụi cho nguyên đơn. Trong danh sách hụi vợ cH để tên nguyên đơn là "7 Liếu".

Nay yêu cầu vợ cH bị đơn có trách nhiệm liên đới trả số tiền 118.000.000 đồng (trong đó đã trừ cò 2.000.000 đồng).

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Lời khai của bà Lý Thị H tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 16/8/2023, thể hiện: Bà H không có mối quan hệ bà con họ hàng và cũng không có mâu thuẫn với các đương sự trong vụ án. Bà H có tham gia chơi hụi chung với nguyên đơn, hụi do vợ cH bị đơn làm chủ. Bà H có biết được bị đơn tham gia chơi 02 chưng hụi, loại 2.000.000 đồng, quá trình khui hụi thì có biết nguyên đơn đóng được 30 kỳ hụi thì hụi đình. Theo bà H biết thì kể từ khi đình hụi vợ cH bị đơn không có trả khoản tiền nào cho nguyên đơn.

- Lời khai của bà Trần Thị U tại phiên toà, thể hiện: Bà U có tham gia chơi cùng dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 01/02/2019 âm lịch với bà T, hụi do bà N và ông Đ làm chủ. Quá trình khui hụi bà T đóng đến mãn hụi được 30 lần, nhưng vợ cH bà N và ông Đ không giao tiền hụi. Theo bà U biết cho đến nay vợ cH bà N và ông Đ cũng chưa trả cho bà T khoản tiền hụi nào.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Đối với bị đơn đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi 118.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và nợ hụi; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hụi"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Căn cứ vào lời khai của người làm chứng bà Lý Thị H, bà Trần Thị U và đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn thì xác định được thực tế nguyên đơn có tham gia chơi của vợ cH bị đơn 02 chưng hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, quá trình khui hụi đã đóng được 30 lần là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo và văn bản tố tụng cho bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ hụi cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền hụi 118.000.000 đồng chưa thanh toán (đã trừ tiền cò 2.000.000 đồng).

[4.2] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hụi theo thỏa thuận giữa các bên và nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch của vợ cH cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn tổng số tiền hụi 118.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ hụi nêu trên.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Việt Đ có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị T tổng số tiền nợ hụi là 118.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Việt Đ phải nộp là 5.900.000 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn bà Trần Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải